**BÀI 8. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**

**I. Đặc điểm nguồn lao động**

**1. Nguồn lao động dồi dào**

- Nước ta có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động chiếm trên 50% số dân, hằng năm nước ta tăng thêm khoảng 1 triệu lao động.

- Nguồn lao động dồi dào đóng vai trò quan trọng đối với các ngành kinh tế:

+ Là nhân tố thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta

+ Tạo ra lợi thế cạnh tranh trong phát triển kinh tế - xã hội với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**2. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao**

- Người lao động cần cù, chịu khó, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủ công nghiệp,....

- Chất lượng nguồn lao động đang được nâng lên nhờ kết quả của quá trình đào tạo lao động.

- Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo liên tục tăng, đặc biệt là lao động có trình độ cao ngày càng chiếm tỉ lệ lớn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu cơ bản của doanh nghiệp và thị trường.

- Năng suất lao động xã hội đã có tăng trưởng khá nhưng vẫn còn thấp so với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Quá trình đào tạo lao động cùng với cơ chế thị trường đang tạo ra một thế hệ người lao động Việt Nam năng động, tiếp thu nhanh các thành tựu của khoa học - công nghệ ứng dụng trong sản xuất, giúp lao động nước ta có khả năng hội nhập tốt với lao động thế giới.

**II. Tình hình sử dụng lao động**

**1. Theo ngành kinh tế**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động:

+ Tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.

+ Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có xu hướng giảm.

**2. Theo thành phần kinh tế**

- Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta đang thay đổi theo xu hướng:

+ Giảm tỉ lệ lao động ở khu vực Nhà nước

+ Tăng tỉ lệ lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Khu vực ngoài Nhà nước vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất.

- Sự khác nhau về cơ cấu lao động trong các thành phần kinh tế là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm huy động nguồn lực phát triển từ nhiều thành phần kinh tế của đất nước.

**3. Theo thành thị và nông thôn**

- Tỉ lệ lao động trong khu vực thành thị có xu hướng tăng, chủ yếu tăng lao động ở các ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

- Lao động trong khu vực nông thôn có sự chuyển dịch, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp tăng nhờ quá trình công nghiệp hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới, đa dạng hóa các ngành nghề kinh tế nông thôn.

**III. Vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm**

**1. Vấn đề việc làm**

- Sự phát triển của đất nước, các ngành sản xuất, các thành phần kinh tế ngày càng đa dạng tạo nhiều việc làm mới, góp phần quan trọng trong giải quyết vấn đề việc làm cho số lao động tăng thêm hằng năm.

- Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn là một trở ngại của nước ta:

+ Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giữa thành thị và nông thôn có sự khác nhau.

+ Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị thường cao hơn ở nông thôn.

**2. Hướng giải quyết việc làm**

- Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất để thị trường lao động phát triển theo hướng linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế.

- Thúc đẩy tạo việc làm mới, việc làm sáng tạo, chất lượng cao, phục vụ chuyển đổi số, chuyển đối năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu; tạo việc làm ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Đẩy mạnh liên kết thị trường việc làm giữa các vùng trong nước, hình thành cơ chế kết nối cung cầu tự động giữa thị trường trong và ngoài nước.

- Đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực cả về học vấn, trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp, văn hoá ứng xử,...

- Triển khai tốt các quy định về bảo hiểm xã hội gắn với các chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, các hoạt động đào tạo lại lao động, có nhiều biện pháp giúp người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Vùng có số lượng lao động lớn nhất cả nước (năm 2021) là

A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm nguồn lao động nước ta?

A. Tỉ lệ lao động trong tổng số dân chiếm trên 50% (năm 2021).

B. Số lượng lao động liên tục giảm do già hoá dân số.

C. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm trên 26% (năm 2021).

D. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

**Câu 3.** Đặc điểm nào sau đây **không** phải là thế mạnh của lao động Việt Nam?

A. Nguồn lao động dồi dào, lao động trẻ. B. Người lao động cần cù, sáng tạo.

C. Người lao động ít kinh nghiệm sản xuất. D. Nguồn lao động đã qua đào tạo tăng nhanh.

**Câu 4.** Năng suất lao động xã hội của nước ta

A. còn thấp, chưa có dấu hiệu cải thiện. B. ngày càng tăng nhưng còn thấp so với thế giới.

C. cao và ngày càng tăng nhanh. D. khá cao nhưng đang có dấu hiệu suy giảm.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúngvới xu hướng phát triển chất lượng của nguồn lao động nước ta?

A. Khả năng hội nhập tốt với lao động thế giới.

B. Tỉ lệ lao động có trình độ sơ cấp ngày càng chiếm ưu thế.

C. Lao động đã qua đào tạo liên tục tăng.

D. Tiếp thu nhanh các thành tựu khoa học – công nghệ.

**Câu 6.** Nhận định nào sau đây là đúng về việc sử dụng lao động ở nước ta?

A. Lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ lệ cao.

B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có số lượng lao động nhiều nhất.

C. Tỉ lệ lực lượng lao động khu vực nông thôn tăng lên.

D. Tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhanh.

**Câu 7.** Hầu hết lao động nước ta

A. thiếu việc làm. C. làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

B. có việc làm. D. làm việc trong khu vực kinh tế Nhà nước.

**Câu 8.** Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

A. Giảm tỉ trọng lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và công nghiệp, xây dựng; tăng tỉ trọng lao động dịch vụ.

B. Tăng tỉ trọng lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản; giảm tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

C. Tăng tỉ trong lao động ở tất cả các ngành kinh tế.

D. Giảm tỉ trọng lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản; tăng tỉ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ.

**Câu 9.** Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

A. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

B. Tăng tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, giảm tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.

C. Giảm tỉ trọng lao động khu vực kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động có vốn đầu tư nước ngoài.

D. Giảm tỉ trọng lao động ở cả ba thành phần kinh tế.

**Câu 10.** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nông thôn nước ta nhằm

A. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên và sử dụng tối đa lao động.

B. hạn chế việc di dân tự do từ vùng đồng bằng lên vùng đồi núi.

C. chuyển quỹ đất nông nghiệp thành đất thổ cư và chuyên dùng.

D.hình thành các đô thị, tăng tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân.

**Câu 11.** Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. B. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. thay đổi phân bố dân cư trong vùng. D. giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.

**Câu 12.** Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta là do

A. quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. chất lượng lao động ngày càng tăng cao. D. lao động có tính cần cù, sáng tạo, chịu khó.

**Câu 13.** Đọc đoạn thông tin sau và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý A, B, C, D sau đây:

Thời gian qua, nguồn lao động của nước ta có nhiều thay đổi cả về số lượng và chất lượng, tác động đáng kể đến sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

A. Mỗi năm nước ta tăng thêm khoảng 1 triệu lao động.

a. Đúng. b. Sai.

B. Nguồn lao động dồi dào là nhân tố quan trọng thu hút vốn đầu tư.

a. Đúng. b. Sai.

C. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên luôn chiếm khoảng 1/2 số dân.

a. Đúng. b. Sai.

D. Chất lượng lao động được nâng lên chủ yếu nhờ hợp tác quốc tế.

a. Đúng. b. Sai.

**Câu 14.** Biết năm 2021, ở nước ta, dân số là 98,5 triệu người, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,6 triệu người, tính tỷ lệ lao động so với tổng số dân của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 15.** Biết dân số Việt Nam năm 2019 là 96,2 triệu người, nhóm dân số từ 15 đến 64 tuổi chiếm 68%, tính số người trong nhóm từ 15 đến 64 tuổi (đơn vị tính: nghìn người làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).